

NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, gồm: bảo tồn nguồn gen; nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm giống; nhãn và tên giống cây trồng lâm nghiệp; quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp; sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Nghị định này trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Giống cây trồng lâm nghiệp là một quần thể cây trồng lâm nghiệp có thể phân biệt được với quần thể cây trồng lâm nghiệp khác thông qua sự biểu hiện của ít nhất một đặc tính và di truyền được cho đời sau; đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống; có giá trị canh tác, giá trị sử dụng.

2. Giống gốc cây trồng lâm nghiệp là giống được nhân lần đầu từ cây trội, cây đầu dòng của một giống đã được công nhận hoặc giống phục tráng (bao gồm: hạt giống, củ giống, rễ, thân, cành, mắt ghép, chồi hoặc mô, cây mô trong bình và cây con) để làm vật liệu nhân giống hoặc để xây dựng các vườn giống, rừng giống.

3. Giống phục tráng là giống được nhân từ cây trội, cây đầu dòng chọn lọc lại từ giống đã được công nhận và được áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm duy trì, khôi phục các tính trạng ban đầu của giống gốc, khắc phục hiện tượng giống thoái hoá, giảm sút năng suất, chất lượng.

4. Loài cây trồng lâm nghiệp chính là loài cây lâm nghiệp được trồng phổ biến, có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường cần được quản lý chặt chẽ.

5. Vật liệu nhân giống cây trồng lâm nghiệp là cây hoặc bộ phận của cây có khả năng phát triển thành cây mới, được dùng để nhân giống hoặc để gieo trồng.

6. Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp là hoạt động theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu để xác định tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng lâm nghiệp theo phương pháp nhất định.

7. Khảo nghiệm xuất xứ giống cây trồng lâm nghiệp là khảo nghiệm so sánh các xuất xứ của loài trên một số điều kiện lập địa nhất định nhằm chọn được những xuất xứ có tính trạng mong muốn.

8. Khảo nghiệm hậu thế giống cây trồng lâm nghiệp là khảo nghiệm so sánh cây thế hệ sau của các cây trội đã được chọn lọc và đánh giá nhằm chọn được cây trội có khả năng di truyền các đặc tính mong muốn cho đời sau.

9. Khảo nghiệm dòng vô tính giống cây trồng lâm nghiệp là khảo nghiệm đánh giá các dòng vô tính so với giống đã có hoặc giống đang được gieo trồng phổ biến tại địa phương.

10. Tính khác biệt của giống cây trồng lâm nghiệp là khả năng phân biệt rõ ràng của một giống với các giống cây trồng lâm nghiệp khác được biết đến rộng rãi.

11. Tính đồng nhất của giống cây trồng lâm nghiệp là sự biểu hiện giống nhau của giống cây trồng lâm nghiệp về các tính trạng liên quan, trừ những sai lệch trong phạm vi cho phép đối với một số tính trạng cụ thể trong quá trình nhân giống.

12. Tính ổn định của giống cây trồng lâm nghiệp là sự biểu hiện ổn định của các tính trạng liên quan như mô tả ban đầu, không bị thay đổi sau mỗi chu kỳ nhân giống.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

1. Quản lý chặt chẽ theo chuỗi đối với giống các loài cây trồng lâm nghiệp chính, khuyến khích thực hiện đối với các giống cây trồng lâm nghiệp khác, để đảm bảo truy xuất nguồn gốc, nâng cao chất lượng giống.

2. Tổ chức, cá nhân được bảo hộ quyền đối với giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp được nghiên cứu, chọn, tạo, sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Khuyến khích xã hội hóa các hoạt động liên quan đến giống cây trồng lâm nghiệp.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ trong nghiên cứu, chọn, tạo, sản xuất, bảo quản giống cây trồng lâm nghiệp, các hoạt động quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về hoạt động giống cây trồng lâm nghiệp

1. Nhà nước đầu tư các hoạt động sau đây:

a) Thống kê, điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về giống cây trồng lâm nghiệp; thông tin và dự báo thị trường; xây dựng chiến lược phát triển giống cây trồng lâm nghiệp; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về giống cây trồng lâm nghiệp;

b) Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập phục vụ nghiên cứu chính sách, nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực giống cây trồng lâm nghiệp;

c) Hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị định này.

2. Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động sau đây:

a) Hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 của Nghị định này;

b) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, hoạt động chứng nhận giống cây trồng lâm nghiệp;

c) Lưu giữ, sản xuất và cung ứng giống gốc cây trồng lâm nghiệp; phục tráng giống gốc; sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp đặc sản, giống cây trồng lâm nghiệp bản địa; duy trì cây đầu dòng; bảo vệ và phát triển vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống; nhập khẩu giống mới, chuyển nhượng bản quyền đối với giống cây trồng lâm nghiệp;

d) Đào tạo nguồn nhân lực; chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong hoạt động giống cây trồng lâm nghiệp.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các hoạt động sau đây:

a) Hợp tác, liên kết trong nghiên cứu phát triển, kinh doanh, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và hoạt động liên quan đến giống cây trồng lâm nghiệp;

b) Tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Bảo hiểm về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp.

4. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, ngoài ngân sách nhà nước (tín dụng; của các tổ chức cá nhân; hỗ trợ quốc tế, ...) theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hoạt động khoa học và công nghệ về giống cây trồng lâm nghiệp

1. Hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực giống cây trồng lâm nghiệp được thực hiện theo quy định của Nghị định này, pháp luật về khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.

2. Hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực giống cây trồng lâm nghiệp được Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư bao gồm:

a) Nghiên cứu cơ chế, chính sách về giống cây trồng lâm nghiệp; chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp chất lượng cao, chống chịu sinh vật gây hại và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường;

b) Thu thập, lưu giữ, bảo tồn và khai thác nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp quý, hiếm, giống cây trồng lâm nghiệp đặc sản, giống cây trồng lâm nghiệp bản địa; xây dựng ngân hàng gen cây trồng lâm nghiệp;

c) Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới về giống cây trồng lâm nghiệp.

Chương II QUẢN LÝ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Mục 1 BẢO TỒN NGUỒN GEN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 7. Điều tra, thu thập, đánh giá nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp

1. Điều tra, thu thập nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ nhu cầu và điều kiện thực tế đặt hàng tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện phù hợp tiến hành điều tra, thu thập nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp; các địa phương căn cứ nhu cầu và điều kiện thực tế để điều tra, thu thập nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn quản lý;

b) Nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp được thu thập dưới dạng hạt giống, cây giống, hom giống hoặc vật liệu di truyền của giống cây trồng lâm nghiệp phụ thuộc vào từng loài cây;

c) Kết quả điều tra, thu thập nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp phải được tư liệu hóa, mô tả rõ các thông tin có liên quan đến việc điều tra, thu thập như địa điểm, thời gian, loại mẫu vật, số lượng, hình thức thu thập.

2. Đánh giá nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt hàng tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện đánh giá nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp; các địa phương đánh giá nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp do địa phương điều tra, thu thập;

b) Đánh giá nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp bao gồm: các hoạt động giải mã gen; đánh giá đa dạng di truyền, đặc điểm lâm học, sinh học và giá trị sử dụng của nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp.

Điều 8. Lưu giữ và xây dựng ngân hàng gen giống cây trồng lâm nghiệp

1. Lưu giữ nguồn gen

Nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp được lưu giữ theo hình thức sau:

a) Lưu giữ tại chỗ (lưu giữ in-situ) là lưu giữ ngay trong khu phân bố tự nhiên của giống cây trồng lâm nghiệp;

b) Lưu giữ chuyển chỗ (lưu giữ ex-situ) là lưu giữ ngoài phạm vi phân bố tự nhiên của giống cây trồng lâm nghiệp, trong ngân hàng gen (trong kho lạnh, trong môi trường nitơ lạnh hoặc các hình thức bảo quản phù hợp khác khi có công nghệ mới); hoặc trong ống nghiệm (lưu giữ in-vitro); hoặc trong vườn thực vật, vườn sưu tập thực vật, rừng giống, vườn giống.

2. Ngân hàng gen giống cây trồng lâm nghiệp, gồm:

a) Ngân hàng hạt giống: Bảo quản hạt khô bằng cách lưu giữ ở nhiệt độ thích hợp;

b) Ngân hàng mô-tế bào: Bảo quản chồi, tế bào nguyên sinh, phôi và mô phân sinh thông qua việc áp dụng chế độ ánh sáng và nhiệt độ cụ thể trong môi trường dinh dưỡng phù hợp;

c) Ngân hàng hạt phấn: Bảo quản hạt phấn bằng các kỹ thuật khác nhau;

d) Ngân hàng hiện trường: Bảo tồn vật liệu di truyền dưới dạng cá thể hoàn chỉnh trên hiện trường.

3. Xây dựng ngân hàng gen giống cây trồng lâm nghiệp toàn quốc do Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thực hiện; các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen thực hiện xây dựng ngân hàng gen giống cây trồng lâm nghiệp theo nhu cầu và điều kiện của tổ chức, cá nhân đó.

Điều 9. Dữ liệu nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp

1. Dữ liệu nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp được thiết lập do tổ chức, cá nhân trực tiếp và liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này.

2. Dữ liệu nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp được lưu trữ dưới các hình thức phiếu điều tra, phiếu mô tả, phiếu đánh giá, tiêu bản, hình vẽ, bản đồ phân bố, ảnh, ấn phẩm, cơ sở dữ liệu dạng văn bản hoặc số hóa.

3. Dữ liệu nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp được lưu giữ tại tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam lưu dữ liệu nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp toàn quốc.

4. Chia sẻ về dữ liệu nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 2

NGHIÊN CỨU, CHỌN, TẠO, KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 10. Tên giống cây trồng lâm nghiệp

1. Tên giống cây trồng lâm nghiệp không được chấp nhận trong những trường hợp sau đây:

- a) Chỉ bao gồm chữ số;
- b) Vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc;
- c) Trùng cách đọc hoặc cách viết với tên của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân, các loại thực phẩm, đồ uống, dược phẩm;
- d) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của giống cây trồng lâm nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan;
- đ) Dễ gây hiểu nhầm về đặc trưng, đặc tính của giống đó;
- e) Dễ gây hiểu nhầm về danh tính của tác giả;
- g) Trùng với tên của giống cây trồng lâm nghiệp đã được bảo hộ.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu giống và vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp phải sử dụng đúng tên giống cây trồng lâm nghiệp trong quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Khi sử dụng tên giống cây trồng lâm nghiệp kết hợp với nhãn hiệu, tên thương mại hoặc các chỉ dẫn tương tự với tên giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận để sản xuất, kinh doanh thì tên đó phải có khả năng nhận biết một cách dễ dàng.

Điều 11. Nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp

1. Nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Ưu tiên nghiên cứu, thu thập, lưu giữ, bảo tồn và khai thác nguồn gen giống cây trồng lâm nghiệp quý, hiếm, giống cây trồng lâm nghiệp bản địa; xây dựng ngân hàng gen giống cây trồng lâm nghiệp; phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong chọn, tạo giống, nhân giống, bảo quản giống cây trồng lâm nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Điều 12. Điều kiện cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp

1. Người trực tiếp thực hiện khảo nghiệm có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về lĩnh vực lâm nghiệp, cây trồng hoặc sinh học.

2. Có địa điểm, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 13. Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp

1. Đối tượng khảo nghiệm: Giống cây trồng lâm nghiệp được chọn, tạo trong nước; giống cây trồng lâm nghiệp nhập khẩu lần đầu, chưa được công nhận và không thuộc Danh mục các loài ngoại lai xâm hại, loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại theo quy định của pháp luật.

2. Phương pháp khảo nghiệm: Khảo nghiệm xuất xứ, khảo nghiệm hậu thế, khảo nghiệm dòng vô tính được thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Nội dung khảo nghiệm: Khảo nghiệm đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định; khảo nghiệm đánh giá giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng lâm nghiệp theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 12 Nghị định này được phép khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá kết quả khảo nghiệm để công nhận giống cây trồng lâm nghiệp.

Điều 14. Yêu cầu chung về khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp

1. Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp được thực hiện theo từng vùng. Giống cây trồng lâm nghiệp được khảo nghiệm ở vùng nào thì sẽ được cấp quyết định công nhận để phát triển ở vùng đó và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự.

2. Phương pháp khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp được quy định tại tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp khảo nghiệm tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Phương pháp giải trình tự gen được sử dụng thay thế phương pháp khảo nghiệm tính khác biệt để kiểm tra tính đúng của giống.

4. Trước khi khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp biến đổi gen phải thực hiện đánh giá rủi ro theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp

1. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp có các quyền:

a) Đầu tư nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp; điều tra, đánh giá, thu thập, lưu giữ, khai thác nguồn vật liệu nhân giống trong nước hoặc nhập khẩu phục vụ nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước về đầu tư cho khoa học và công nghệ, chính sách đặc thù cho lĩnh vực, vùng theo quy định của pháp luật;

c) Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp có các nghĩa vụ:

a) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Khi chuyển giao giống cây trồng lâm nghiệp phải thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

c) Tuân thủ quy định của pháp luật về đa dạng sinh học và quy định của pháp luật có liên quan khi tiến hành nghiên cứu, chọn, tạo, thí nghiệm, khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp biến đổi gen.

Mục 3

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 16. Yêu cầu chung về quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp

1. Quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định của Nghị định này và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Đối với giống của loài cây trồng lâm nghiệp chính: chỉ đưa vào sản xuất, kinh doanh các giống, nguồn giống đã được công nhận.

3. Chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn cơ sở về giống cây trồng lâm nghiệp.

Điều 17. Yêu cầu đối với chất lượng giống của loài cây trồng lâm nghiệp chính

1. Đối với lô hạt giống: Phải được thu hái từ nguồn giống được công nhận còn thời hạn sử dụng; chất lượng hạt giống đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về hạt giống tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Đối với cây giống trong bình mô: Phải sản xuất từ giống được công nhận, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia về cây mầm mô tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Đối với hom giống, cành ghép, mắt ghép: Phải được lấy từ vườn cây đầu dòng, cây trội được công nhận còn thời hạn sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia về hom giống, cành ghép, mắt ghép tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Đối với lô cây giống: Phải được sản xuất từ cây trong bình mô hoặc giống được thu hái từ nguồn giống đã được công nhận, còn thời hạn sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia về cây giống tại Phụ lục I ban hành

kèm theo Nghị định này.

5. Giống cây trồng lâm nghiệp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này được quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn cơ sở khi chưa có tiêu chuẩn quốc gia.

Điều 18. Hồ sơ giống cây trồng lâm nghiệp

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp phải lập và lưu giữ hồ sơ sau:

a) Đối với lô hạt giống: Bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 01/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; bản chụp quyết định công nhận nguồn giống; hóa đơn bán hàng, trong đó ghi rõ khối lượng hạt giống và mã số của nguồn giống thu hái hạt giống;

b) Đối với cây giống trong bình mô: Bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 02/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; bản chụp quyết định công nhận giống hoặc hợp đồng mua giống; hóa đơn bán hàng, trong đó ghi rõ số lượng cây mầm mô và tên, mã số của giống sản xuất;

c) Đối với hom giống, cành ghép, mắt ghép: Bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 03/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; bản chụp quyết định công nhận nguồn giống hoặc hợp đồng mua vật liệu nhân giống; hóa đơn bán hàng, trong đó ghi rõ số lượng hom giống, cành ghép, mắt ghép và tên, mã số của nguồn giống;

d) Đối với lô cây giống: Bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; các giấy tờ liên quan khác của nguồn gốc vật liệu nhân giống để sản xuất cây giống (hóa đơn tài chính, phiếu xuất, quyết định công nhận nguồn giống);

đ) Đối với các giống không thuộc danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính thì không bắt buộc có quyết định công nhận giống, nguồn giống theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này.

2. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nguồn gốc giống cây trồng lâm nghiệp tại bảng kê.

Điều 19. Ghi nhãn và quảng cáo giống cây trồng lâm nghiệp

1. Ghi nhãn giống cây trồng lâm nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và nội dung ghi nhãn như sau:

a) Đối với hạt giống: Tên loài cây (tên khoa học); khối lượng hạt; ngày, tháng, năm chế biến xong; thời hạn sử dụng; nơi thu hái; phương pháp bảo quản; tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất;

b) Đối với bình mô: Tên loài cây (tên khoa học); tên giống; mã số giống được công nhận; lô sản xuất: Ngày, tháng, năm; tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất; thời hạn cây cây (từ ngày xuất giống đến ngày cuối cùng được phép sử dụng);

c) Đối với các loại giống khác không ghi nhãn nhưng phải có hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

2. Quảng cáo giống cây trồng lâm nghiệp

a) Được quảng cáo giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận theo quy định của pháp luật về quảng cáo.

b) Nội dung quảng cáo giống cây trồng lâm nghiệp phải theo đúng nội dung trong quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp và quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

3. Trường hợp giống cây trồng lâm nghiệp nhập khẩu với mục đích triển lãm, hội chợ thì thực hiện quảng cáo theo nội dung Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 20. Công bố phù hợp tiêu chuẩn giống cây trồng lâm nghiệp

Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp phải công bố tiêu chuẩn giống cây trồng lâm nghiệp do mình sản xuất theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia.

Mục 4

SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 21. Điều kiện của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị theo tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp; trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì áp dụng tiêu chuẩn cơ sở;

b) Sản xuất giống của loài cây trồng lâm nghiệp chính phải sử dụng vật liệu nhân giống từ giống, nguồn giống được công nhận.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có địa điểm giao dịch hợp pháp;

b) Có hồ sơ bảo đảm truy xuất nguồn gốc lô giống, gồm: Thông tin về hợp đồng, hóa đơn mua bán lô giống; hồ sơ, nhãn phù hợp quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này; các thông tin về vật liệu nhân giống đã sử dụng, tiêu chuẩn công bố áp dụng, số lượng, thời gian giao nhận.

3. Trước khi sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi thông báo qua thư điện tử hoặc gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại các thông tin sau: Địa chỉ giao dịch, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện hợp pháp, số